

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TUYÊN QUANG

Hoàng Thanh Vân^{1*}, Trần Việt Khanh²

¹Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên, ²Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Điều kiện tự nhiên là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế xã hội. Việc đánh giá các yếu tố tự nhiên cho việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang là việc làm cần thiết để tìm ra các giải pháp phát triển kinh tế Tuyên Quang. Trong khuôn khổ bài báo, tác giả đã đánh giá vị trí địa lý, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật và tài nguyên du lịch tỉnh Tuyên Quang. Tác giả cũng đã tìm ra những lợi thế so sánh của Tỉnh Tuyên Quang so với các tỉnh khác trong vùng cũng như trong cả nước. Trên cơ sở đó thấy được những thế mạnh để có hướng đầu tư chiều sâu phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Từ khóa: *Tiềm năng, Tài nguyên, Nguồn lực, Kinh tế - Xã hội, Phát triển.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuyên Quang là một tỉnh thuộc vùng trung du - miền núi phía Bắc. Ngày 01/7/2004 Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 37/NQ-TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010, trong đó xác định rõ vị trí và vai trò của các tỉnh trong vùng nói chung và Tuyên Quang nói riêng, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước. Đối với vùng TDMN phía Bắc, Tuyên Quang có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng, là tỉnh ở mức trung bình của vùng về nhiều mặt: điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế và tiềm lực kinh tế.

So với cả nước Tuyên Quang là một tỉnh còn kém phát triển: GDP bình quân đầu người thấp, dân số chủ yếu sống ở nông thôn, trình độ sản xuất thấp, quản lý kinh tế còn nhiều bất cập mặc dù tiềm năng phát triển kinh tế khá dồi dào. Vì vậy, trong các năm tới, Tuyên Quang cần có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn và đảm bảo chất lượng tăng trưởng tốt, từng bước thu hẹp khoảng cách của tỉnh với trung bình cả nước, tiến tới đích: Tuyên Quang trở thành tỉnh giàu về kinh tế và đẹp về văn hóa. Trong các điều kiện tiền đề cho sự phát triển, các nguồn lực tự nhiên có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN Các điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý

Tỉnh Tuyên Quang có tọa độ địa lý: từ 21⁰30' đến 22⁰40' vĩ Bắc, từ 104⁰53' đến 105⁰ kinh Đông, diện tích tự nhiên là 5.867 km², bằng 1,8% diện tích cả nước.

Tuyên Quang có 6 đơn vị hành chính, bao gồm các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang và thị xã Tuyên Quang. Tỉnh Tuyên Quang nằm trên trục quốc lộ 2 (Hà Nội - Vĩnh Phúc - Phú Thọ - Tuyên Quang - Hà Giang) và quốc lộ 37. Thị xã Tuyên Quang cách Hà Nội 160 km. Tuyên Quang là tỉnh có vị trí kinh tế và chính trị quan trọng trong chiến lược phòng thủ của cả nước. Cùng với các tỉnh miền núi Bắc Bộ, Tuyên Quang là mái nhà xanh của đồng bằng Bắc Bộ, với diện tích 369.621 ha rừng (63,08% diện tích tự nhiên), đã và đang có vai trò to lớn về môi sinh, phòng hộ đầu nguồn sông Gâm, sông Lô, điều tiết nguồn nước cho công trình thủy điện Tuyên Quang và nhiều công trình thủy điện khác sẽ được xây dựng trong thời gian sắp tới.

Đặc điểm địa hình

Địa hình của Tuyên Quang khá phức tạp, bị chia cắt bởi nhiều dãy núi cao và sông suối, đặc biệt ở khu vực phía Bắc tỉnh. Phía Nam tỉnh địa hình thấp dần, ít bị chia cắt, có nhiều đồi núi thấp và thung lũng chạy dọc theo các con sông.

Đặc điểm khí hậu

* Tel: 0989.258.312

, Email:

Khí hậu của Tuyên Quang mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa Bắc Á - Trung Hoa, có 2 mùa rõ rệt: mùa đông lạnh khô và mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình năm toàn tỉnh từ 22⁰-24⁰C, cao nhất trung bình từ 33⁰-35⁰ C, thấp nhất trung bình từ 12-13⁰C.

Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.500mm - 1.800mm, khá ổn định. Độ ẩm bình quân hàng năm là 85%, rất thích hợp với cây rừng nhiệt đới, xanh tốt quanh năm.

Do địa hình bị chia cắt, Tuyên Quang có 2 tiểu khu khí hậu rõ rệt, cho phép phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đa dạng.

Đặc điểm thủy văn

Tuyên Quang có hệ thống sông suối khá dày và phân bố tương đối đều giữa các vùng. Sông Lô bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua Hà Giang xuống Tuyên Quang. Đoạn trong tỉnh Tuyên Quang dài khoảng 145 km. Lưu lượng nước lớn nhất là 11.700 m³/s, lưu lượng nhỏ nhất là 128 m³/s. Sông Gâm bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua Cao Bằng, Hà Giang và xuống Tuyên Quang. Sông Gâm gặp sông Lô ở xã Tứ Quận (Yên Sơn) cách thị xã Tuyên Quang 10 km. Đoạn chảy trong nội tỉnh Tuyên Quang khoảng 170 km. Sông Phó Đáy bắt nguồn từ núi Tam Tạo (Bắc Cạn) chảy qua Yên Sơn xuống Sơn Dương và hợp với sông Lô trên đất Vĩnh Phúc. Đoạn chảy qua tỉnh Tuyên Quang dài khoảng 80 km. Tiềm năng thủy điện trên sông Gâm tương đối lớn, hiện trên sông Gâm đã xây dựng nhà máy thủy điện Na Hang và đang xây dựng nhà máy thủy điện Chiêm Hóa.

Hiện trạng và vai trò các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên tỉnh Tuyên Quang.

Tài nguyên đất

Đất đai của tỉnh gồm một số loại chính như sau: Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất; Đất đỏ vàng trên đá Macma axit (Fa); Đất vàng đỏ trên đá biến chất (Hs); Đất phù sa ven suối (Py); Đất thung lũng dốc tụ (D); Đất nâu vàng trên phù sa cổ; Đất mùn vàng nhạt trên đá cát; Đất nâu đỏ trên đá vôi; Đất phù sa không được bồi hàng năm; Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước; Đất mùn vàng đỏ trên

đá Macma axit; Đất phù sa được bồi hàng năm; Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng; Đất phù sa glây; Đất đen do bồi tụ cacbonat. Ngoài các loại đất trên Tuyên Quang còn có 21.789 ha núi đá, chiếm 3,75% diện tích tự nhiên và 7.578 ha sông suối, hồ ao - khoảng 1,36% diện tích tự nhiên.

Về hiện trạng sử dụng đất: Tuyên Quang có 586.700 ha đất tự nhiên, đã được sử dụng 84,69%, so với cả nước tỷ lệ này là 97%, vùng trung du miền núi Bắc Bộ là 56,14%. Trừ diện tích núi đá, còn lại khoảng 4% đất đồi núi chưa sử dụng đang được nghiên cứu để đưa vào sản xuất lâm nghiệp. Như vậy, cả 3 loại đất: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng, đều được sử dụng tiết kiệm và đúng mục đích.

Tài nguyên nước

Nước mặt: Tuyên Quang có nguồn nước mặt rất lớn, gấp 10 lần nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hiện nay. Lượng mưa hàng năm khá lớn cùng với nguồn nước từ lưu vực sông Lô, sông Gâm, sông Phó Đáy và nhiều con suối lớn nhỏ, có hồ thủy điện Na Hang mới xây dựng, cộng với gần 2.000 ao, hồ quanh năm có nước, đã tạo cho tỉnh nguồn tài nguyên nước phong phú, vào khoảng 5,5 tỷ m³/năm. Trung bình cứ một ha đất tự nhiên có 9 m sông suối và 9.375m³ nước.

Nước ngầm: Nguồn nước ngầm dồi dào, có ở khắp lãnh thổ tỉnh và chất lượng tốt đủ tiêu chuẩn dùng cho sinh hoạt. Mực nước ngầm không sâu và tương đối ổn định, thuận lợi cho khai thác, kể cả khai thác đơn giản trong sinh hoạt của nhân dân. Tuy vậy, nước ngầm phân bố không đều theo cấu thành địa chất. Đặc biệt các điểm nước khoáng đáng chú ý là Bình Ca, Mỹ Lâm huyện Yên Sơn và mỏ nước Bắc Ban (Vĩnh Yên). Hiện nay tỉnh đang khai thác nguồn nước nóng Mỹ Lâm phục vụ chữa bệnh, chế biến nước giải khát.

Tài nguyên sinh vật

Tuyên Quang là tỉnh có diện tích rừng và đất rừng lớn so với diện tích tự nhiên, đất đai phù hợp với nhiều loại cây, có điều kiện xây dựng hệ thống rừng phòng hộ và tạo các vùng rừng kinh tế hàng hoá có giá trị cao.

Thực vật rừng đa dạng, toàn tỉnh có khoảng 760 loài của 349 chi, 126 họ thuộc 8 ngành thực vật bậc cao như hạt kín, thông, tuế, thông đất, khuyết lá thông, cỏ tháp bát, dương xỉ, ... Trong đó có nhiều loài thực vật quý hiếm như trầm hương, ngiến, lát hoa, tuế đá vôi, hoàng đàn, mun, pơ mu, ... Tuyên Quang có một số khu rừng đặc dụng, có giá trị nghiên cứu khoa học và phục vụ du lịch sinh thái trong tương lai. Tuy vậy, một số loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Động vật rừng phong phú, có khoảng 293 loài, lớp thú có 51 loài thuộc 19 họ; lớp chim có 175 loài thuộc 45 họ; bò sát có 5 loài; ếch nhái có 17 loài thuộc 5 họ. Những loài thú lớn như gấu ngựa, beo lửa, hổ diên, báo gấm, báo hoa, vượn đen, voọc mũi hếch thường sống ở rừng sâu, xa dân cư. Các loài khỉ, nai, hoẵng thường sống ở gần khu dân cư, trên nương bãi dọc theo sông Lô, sông Gâm.

Tài nguyên khoáng sản

Tuyên Quang có nhiều loại khoáng sản, phân bố rải rác trên khắp địa bàn tỉnh, song hầu hết các mỏ này đều chưa có kế hoạch khai thác cụ thể, chỉ ở dạng điều tra, một số ít đã được thăm dò nhưng điều kiện khai thác không thuận lợi. Tuy vậy, khai thác và chế biến khoáng sản là một trong những khâu đột phá cho phát triển kinh tế trong những năm tới, trên cơ sở thu hút đầu tư từ bên ngoài.

Nhiên liệu:

Than đá, có mỏ than Linh Đức đã được thăm dò, có 2-6 vỉa than, dày 0,6-1,7m, dài 250-350m/vĩa. Trữ lượng cấp B+C1: 10.000 tấn.

Than nâu: Mỏ than Tuyên Quang có 2 vỉa trầm tích Neogen hệ tầng Na Lương, dày 3-10m. Trữ lượng C2: 400.000 tấn.

Kim loại:

Quặng sắt có 10 điểm, chưa đánh giá đầy đủ về quy mô và triển vọng, gồm 2 kiểu chính:

Quặng sắt Manhetit và quặng sắt Limonit.

Quặng titan trực tiếp liên quan tới dải đá gabrro thuộc phức hệ Núi Chúa nằm ở phía Đông Bắc.

Mangan tập trung chủ yếu ở 2 xã Phúc Sơn và Minh Quang thuộc huyện Chiêm Hóa.

Thiếc - Vonfram: Hiện nay đã tìm thấy nhiều mỏ và nhiều điểm quặng. Hầu hết nằm gần diện tích phát triển đá phun trào Tam Đảo.

Trong đó, thiếc có các mỏ Bắc Lũng, Kỳ Lâm, Thanh Sơn, Kháng Nhật, Ngọn Đồng với tổng trữ lượng trên 50.000 tấn. Ngoài ra còn phát hiện thêm ở Búi Là-Ngân Sơn (gần Mỹ Lâm-Yên Sơn). Vonfram có mỏ Thiến Kế trực tiếp liên quan đến granit khối Thiến Kế, tại đây đã tìm kiếm thăm dò 10 thân quặng có hàm lượng $WO_3 = 0,7-3,5\%$ và đã đưa vào khai thác.

Chì - kẽm có 24 điểm mỏ với tổng trữ lượng trên 1,1 triệu tấn ($C_1+C_2 = 288.509$ tấn), tập trung thành 2 dải: Dải 1: Dài 30km kéo dài từ Sơn Dương qua Tuyên Quang đến Hàm Yên, dọc theo sông Lô theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Dải 2: Tại khu vực thị xã Tuyên Quang, trên cơ sở mỏ Tràng Đà cũ.

Ngoài ra còn phát hiện ở Yên Sơn có 4 điểm quặng, và ở Nà Hang có 3 quặng cần được thăm dò khai thác.

Antimono: đã phát hiện và thăm dò 3 mỏ là Khuôn Phục, Hòn Phú, Làng Vài và tìm kiếm được 9 điểm quặng hầu hết đều tập trung gần Đại Thị (Chiêm Hóa). Đây là loại khoáng sản có nhiều triển vọng khai thác trong thời gian tới vì giá trị đặc biệt của nó cho công nghiệp hóa chất (thuốc nổ), chế tạo máy....

Quặng vàng có 13 điểm mỏ vàng gốc tập trung ở huyện Chiêm Hoá. Trữ lượng dự báo cấp P2 = 4.564,4 kg. Đặc biệt 2 điểm Khuôn Phục và Làng Vài có trữ lượng 4.232 kg.

Thủy ngân và đồng cũng có nhiều điểm mỏ, nhưng chưa được thăm dò.

Nhóm quặng phi kim

Barít có 25 điểm mỏ thuộc các huyện Sơn Dương, Yên Sơn. Tổng trữ lượng dự báo (cấp P₂): 2.664.098 tấn, trong đó trữ lượng cấp C₁+C₂: 711.850 tấn. Đây là loại khoáng sản làm dung dịch khoan dầu khí và làm sơn tổng hợp nên có khả năng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Quặng Pyrit có 4 điểm quặng thuộc các huyện Yên Sơn, Hàm Yên và Chiêm Hoá. Có 3 điểm quặng Quăczit tại Chiêm Hoá, những đều chưa đánh giá trữ lượng.

Đá vôi, đất sét, cát sỏi xây dựng: Đá vôi có rất nhiều mỏ đạt chất lượng cao, ước trữ lượng có hàng tỷ m³. Đất sét và cao lanh có trữ lượng 26 triệu tấn tập trung ở Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hoá. Cát sỏi

có nhiều điểm mỏ, phân bố dọc các sông Lô, sông Gâm, thỏa mãn nhu cầu vật liệu xây dựng tương đối lâu dài cho tỉnh.

Ngoài ra còn một số quặng phi kim khác như: cao lanh, penspát, đolomit, thạch anh, phốt pho rít nằm rải rác trong tỉnh.

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Du lịch sinh thái: Hiện tại Tuyên Quang có 3 khu du lịch sinh thái là Na Hang, Chiêm Hóa và Hàm Yên. Cả 3 điểm du lịch sinh thái đều nằm ở phía Bắc tỉnh, địa hình chủ yếu là núi cao, độ dốc lớn, dân cư thưa thớt, phần lớn diện tích được che phủ bằng rừng nguyên sinh và rừng trồng, sông suối có nhiều thác ghềnh rất phù hợp với du lịch sinh thái và du lịch ưa mạo hiểm. Sau khi hoàn thành thủy điện Tuyên Quang, diện tích mặt hồ rộng trên 8.000 ha với nhiều đảo nhỏ, khí hậu mát mẻ và trong sạch. Rừng Na Hang là một hệ thống động, thực vật lớn nhất trong tỉnh, nằm ở vị trí liên kề với các khu vực được bảo tồn hồ Ba Bể, vì vậy ở đây sẽ là điểm hẹn cho khách du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng.

Du lịch tự nhiên có đến 20 điểm, trong đó điển hình là du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, động Cô Tiên ở Hàm Yên, ... có thể kết hợp với nhau thành các tuyến du lịch sinh động và hấp dẫn khách du lịch thập phương.

Tuyên Quang cũng là điểm dừng chân của khách bộ hành trên các tuyến Hà Nội - Hà Giang và khách du lịch vùng tây nam Trung Quốc đi Hà Nội.

Những vấn đề đặt ra để khai thác hiệu quả các nguồn lực tự nhiên

Tuyên Quang là tỉnh có tiềm năng tăng trưởng, nhưng để tăng trưởng cao và đảm bảo chất lượng tăng trưởng tốt, cần giải quyết 3 mâu thuẫn chủ yếu là thiếu vốn, thiếu nguồn nhân lực có trình độ và thiếu công nghệ.

Tuyên Quang có *tiềm năng* thế mạnh về nguyên liệu cho phát triển công nghiệp và phát triển du lịch, nhưng thiếu vốn. Nguyên liệu chủ yếu cho phát triển công nghiệp trước hết là sản phẩm nông lâm nghiệp, sau đó là nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú như quặng thiếc, sắt, barit, ăngtimoan, vonfram. Có tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản như công nghiệp chế biến chè, sản xuất đường kính trắng, công nghiệp

khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng đá, cát, sỏi, gạch, công nghiệp xi măng và các loại vật liệu xây dựng khác. Ngoài ra, tỉnh còn có nhiều điều kiện để phát triển công nghiệp chế biến lâm sản và nguyên liệu giấy, chế biến sản phẩm gỗ,...

Tiềm năng phát triển nông nghiệp chủ yếu là phát triển theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật, và phát triển chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò, dê, lợn và chăn nuôi gia cầm. Trong đó có vùng trồng nguyên liệu tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Tuy vậy, để biến tiềm năng thành hiện thực, vốn đầu tư là điều kiện tiên quyết để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra sự đột phá trong phát triển kinh tế. Đặc biệt trong lĩnh vực phát triển du lịch, có nhu cầu đầu tư lớn, vì cần khắc phục những khó khăn do điều kiện tự nhiên hoặc tu bổ các di tích lịch sử.

KẾT LUẬN

Những lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên của Tuyên Quang: i) Điều kiện khai thác khoáng sản tương đối thuận lợi, nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đảm bảo cho sản xuất ổn định với quy mô tương đối lớn, trong một thời gian dài; ii) Chi phí cho sản xuất nông nghiệp vào loại thấp, do đất tương đối tốt và tưới tiêu tự chảy, đặc biệt là các huyện phía nam, cây trồng sinh trưởng nhanh. Có điều kiện phát triển các vùng chuyên canh chè, mía, cây ăn quả... cung cấp nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; iii) Hiệu quả đầu tư cao, do đất đai còn rộng có thể xây dựng các khu, cụm công nghiệp với chi phí đền bù thấp, hoặc có thể phát triển công nghiệp chế biến lâm sản từ rừng nguyên liệu hiện có, tiết kiệm được chi phí cho phát triển vùng nguyên liệu. Tương tự, có thể chế biến thịt trâu, bò sử dụng sản phẩm chăn nuôi hiện có, mà không cần chi phí cho phát triển tổng đàn; iv) Có điều kiện thuận lợi để khai thác du lịch, kết hợp giữa du lịch sinh thái với du lịch văn hóa lịch sử.

Những khó khăn, hạn chế do điều kiện tự nhiên đem lại: Tuyên Quang là tỉnh miền núi nằm trong nội địa, xa các cửa khẩu, bến cảng, xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như

Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, việc cung cấp thông tin, công nghệ tiên tiến, thu hút vốn gặp khó khăn. Thị trường tiêu thụ sản phẩm khó ổn định, sức mua của dân cư thấp. Việc giao lưu trao đổi hàng hóa với bên ngoài phải bằng đường bộ hoặc đường sông với chi phí vận tải lớn. Việc hợp tác liên doanh gọi vốn nước ngoài có những khó khăn nhất định. Những yếu tố bất lợi của thiên nhiên như hạn hán, lũ lụt luôn là mối đe dọa cho sản xuất và đời sống, đặc biệt là thị xã Tuyên Quang và các huyện phía Nam tỉnh. Là một tỉnh có địa hình núi cao chia cắt, kết cấu hạ tầng đường giao thông, điện, nước còn nhiều hạn chế là một trở ngại lớn cho phát triển kinh tế tỉnh. Do đặc điểm về tài nguyên và nguồn nhân lực có tính tương đồng với các tỉnh trong vùng, do đó một số ngành công nghiệp như khai khoáng, sử dụng nhiều lao động lại có tính cạnh tranh. Vì vậy cần có sự

thống nhất quản lý để đảm bảo cho cạnh tranh lành mạnh, không làm lãng phí tài nguyên do giảm giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục thống kê Tuyên Quang, *Niên giám thống kê năm 2008*.
- [2] Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.
- [3] Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tuyên Quang (2000), *Báo cáo quy hoạch sử dụng đất đai tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010*, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- [4] Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Tuyên Quang, *Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020*.

IMPACT OF NATURAL CONDITIONS AND RESOURCES ON SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN TUYEN QUANG PROVINCE

Hoang Thanh Van^{1*}, Tran Viet Khanh²

¹ College of Education - TNU, ² Thai Nguyen University

SUMMARY

Physical conditions are forces for socio-economic development. Assessment of the physical conditions and natural factors for socio-economic development of Tuyen Quang province is the best way to direct in development for this province. In this article the author pay attention to it's location, natural resources, soil, biology and tourist resources in Tuyen Quang province. The author also analyze the differences between Tuyen Quang province and other provinces in this region in order to look for some advantages and disadvantages of Tuyen Quang province. That results are reserved for socio-economic development according to direction of modernization and industrialization of the Country.

Keywords: *Potential, Resources, Force, Socio – Econiomy, Development.*

* Tel: 0989.258.312

, Email: